THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1487/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2050

Mã số thông tin quy hoạch: 422513115537

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1567/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại Tờ trình số: 528/TTr-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2026 và đề nghị của Bộ Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 296/BC-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2026, văn bản số 12160/BXD-QHKT ngày 04 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2050, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn quy hoạch

a) Phạm vi, quy mô lập điều chỉnh quy hoạch

Phạm vi lập Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2050 gồm toàn bộ diện tích Khu kinh tế Vũng Áng được phê duyệt theo Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2007 (toàn bộ ranh giới các phường Vũng Áng, Hoành Sơn và một phần diện tích phường Sông Trí, Hải Ninh, tỉnh Hà Tĩnh), có tổng diện tích: 22.781 ha.

Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: giáp biển Đông;

- Phía Nam: giáp tỉnh Quảng Trị;

- Phía Đông: giáp biển Đông;

- Phía Tây: giáp các xã, phường Kỳ Khang, Hải Ninh, Sông Trí.

b) Thời hạn quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; giai đoạn dài hạn đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu điều chỉnh quy hoạch

a) Quan điểm điều chỉnh quy hoạch:

- Phù hợp với định hướng tại quy hoạch cấp quốc gia; Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh; chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, phát triển công nghiệp, phát triển du lịch Việt Nam; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư tại Khu kinh tế Vũng Áng trong giai đoạn mới.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp, cảng biển và dịch vụ logistics làm động lực tăng trưởng, gắn với phát triển đô thị bền vững, từng bước đa dạng hóa cơ cấu ngành kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của Khu kinh tế Vũng Áng.

- Bảo vệ và tôn tạo các giá trị cảnh quan thiên nhiên, cấu trúc không gian đặc trưng đô thị và tạo lập bản sắc đô thị.

b) Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch:

- Định hướng phân bố không gian phát triển hợp lý, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế và bảo đảm cơ hội cho các hoạt động phát triển trong Khu kinh tế Vũng Áng; kế thừa các định hướng còn phù hợp tại Quy hoạch chung đã được phê duyệt trước đây.

- Tạo động lực phát triển đột phá về kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh; có hệ thống cơ sở kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; không gian kiến trúc cảnh quan, đô thị văn minh, tiên tiến, thích ứng với biến đổi khí hậu và sử dụng đất đai hiệu quả.

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch, bảo đảm các mục tiêu phát triển bền vững.

3. Tính chất, vai trò của khu kinh tế

- Là khu kinh tế ven biển tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm khu chức năng phi thuế quan, công nghiệp, cảng biển và logistics, thương mại - dịch vụ - du lịch, các khu đô thị và các khu chức năng khác theo quy định; là cực tăng trưởng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực.

- Là một trong các trung tâm công nghiệp, năng lượng quan trọng của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

- Là khu vực phát triển tại phía Nam tỉnh Hà Tĩnh với cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ, môi trường ở trong sạch gắn liền với thiên nhiên.

- Là trung tâm vùng đô thị phía Nam của tỉnh Hà Tĩnh.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

a) Quy mô dân số:

- Dự báo đến năm 2030: khoảng 181.000 người.

- Dự báo đến năm 2050: khoảng 249.000 người.

b) Quy mô sử dụng đất xây dựng:

- Đến năm 2030: 13.139 ha, chiếm 58% diện tích tự nhiên của Khu kinh tế Vũng Áng.

- Đến năm 2050: 14.785 ha, chiếm 65% diện tích tự nhiên của Khu kinh tế Vũng Áng.

5. Nội dung điều chỉnh quy hoạch

a) Định hướng phát triển không gian Khu kinh tế:

- Mô hình, cấu trúc phát triển:

+ Khu kinh tế Vũng Áng được phát triển theo mô hình khu kinh tế ven biển tổng hợp, đa ngành, đa chức năng; lấy công nghiệp, cảng biển và dịch vụ logistics làm động lực phát triển; phát triển đồng bộ hệ thống đô thị, dịch vụ, hạ tầng xã hội và không gian sinh thái.

+ Cấu trúc không gian được tổ chức theo nguyên tắc: Phát triển tập trung các khu công nghiệp, cảng biển và logistics; phát triển các đô thị, dịch vụ gắn với nhu cầu của khu kinh tế; bảo tồn không gian sinh thái, cảnh quan tự nhiên; kết nối đồng bộ bằng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

- Định hướng phát triển các khu vực chức năng chính:

Các khu vực chức năng được tổ chức phù hợp với mô hình và cấu trúc phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng, bảo đảm phát huy lợi thế về công nghiệp, cảng biển, dịch vụ logistics, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các khu vực chức năng chính được định hướng như sau:

+ Khu công nghiệp và cảng biển: Phát triển các khu công nghiệp tập trung gắn với hệ thống cảng biển Vũng Áng, Sơn Dương; hình thành các khu công nghiệp luyện kim, năng lượng, chế biến, chế tạo, tái chế, xử lý chất thải rắn và công nghiệp hỗ trợ.

+ Khu logistics và dịch vụ hậu cần cảng: Phát triển gắn với hệ thống cảng biển Vũng Áng và Sơn Dương, bảo đảm kết nối đồng bộ với mạng lưới giao thông đối ngoại, hình thành trung tâm logistics của khu vực.

+ Khu đô thị và trung tâm dịch vụ: Bố trí tại khu vực Sông Trí, khu vực Hồ Tàu Voi và các khu vực phía Tây các khu công nghiệp, dọc các trục giao thông chính, đồng thời phát triển các khu đô thị mới, đô thị đa chức năng kết hợp nhà ở, thương mại - dịch vụ, không gian công cộng và cảnh quan mặt nước nhằm đáp ứng nhu cầu ở, dịch vụ và hạ tầng xã hội cho người lao động và chuyên gia.

+ Khu du lịch và dịch vụ biển: Phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái và dịch vụ ven biển trên cơ sở khai thác hợp lý tiềm năng, lợi thế cảnh quan, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung tại khu vực Hải Ninh - Hoành Sơn và các bãi biển có điều kiện thuận lợi.

+ Không gian sinh thái, cây xanh và mặt nước: Bảo tồn các khu vực sinh thái tự nhiên; ưu tiên phát triển tại khu vực núi phía Tây của khu kinh tế, dọc các sông, hồ, ven biển và các hành lang sinh thái, kết hợp bảo tồn cảnh quan tự nhiên, hình thành hệ thống công viên, cây xanh cách ly và không gian mở.

+ Các khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Phát triển, bố trí phân tán theo yêu cầu của từng hệ thống hạ tầng, ưu tiên gần các khu công nghiệp và các đầu mối giao thông để bảo đảm cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và các công trình đầu mối khác phục vụ toàn Khu kinh tế.

- Tổ chức hệ thống trung tâm:

+ Hệ thống trung tâm được tổ chức theo mô hình đa trung tâm, bảo đảm phù hợp với tính chất của khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa chức năng. Trong đó, trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ tổng hợp được bố trí tại khu vực đô thị Sông Trí, là trung tâm điều hành, cung cấp các dịch vụ công cộng và dịch vụ đô thị của Khu kinh tế.

+ Các trung tâm thương mại, dịch vụ hỗ trợ công nghiệp và logistics được bố trí gắn với các khu công nghiệp, cảng Vũng Áng và cảng Sơn Dương, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và trung chuyển hàng hóa.

+ Hình thành các trung tâm dịch vụ, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao tại các khu đô thị và khu dân cư nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân, người lao động và chuyên gia làm việc trong Khu kinh tế, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các khu chức năng và nâng cao chất lượng môi trường sống.

- Hệ thống công viên cây xanh:

+ Hệ thống công viên cây xanh được tổ chức theo mạng lưới, gắn không gian tự nhiên, sông, hồ, ven biển với không gian các khu đô thị, khu dân cư; kết hợp hệ thống cây xanh chuyên dụng, cây xanh cách ly giữa các khu công nghiệp, cảng biển và khu dân cư nhằm cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cảnh quan và bảo vệ môi trường.

+ Kết nối các không gian cây xanh với hệ thống quảng trường, không gian mặt nước và hành lang sinh thái, hình thành mạng lưới không gian mở phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí, bảo vệ hệ sinh thái trong khu kinh tế và toàn khu vực.

- Định hướng không gian kiến trúc cảnh quan:

+ Trong các khu vực đô thị, kết hợp hài hòa giữa khu vực hiện trạng, khu vực phát triển mới nhằm kiểm soát việc đền bù giải tỏa ở mức độ thấp nhất và phát huy các giá trị về cấu trúc không gian đặc trưng tại địa phương; chú trọng tạo dựng không gian tương tác giữa các khu vực xây dựng hiện hữu và các khu đô thị và khu chức năng đô thị mới thông qua các không gian mở công cộng và công trình dịch vụ công cộng.

+ Hình thành các không gian kiến trúc cảnh quan đặc trưng trên cơ sở các tuyến giao thông chính và hệ thống không gian mở (không gian cây xanh, mặt nước và vườn hoa - quảng trường), đồng thời liên kết các khu vực chức năng trong Khu kinh tế Vũng Áng.

b) Quy hoạch sử dụng đất:

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050 như sau (tổng diện tích tự nhiên 22.781 ha):

+ Khu vực xây dựng các chức năng; quy mô khoảng 14.785 ha. Bao gồm: Đất các khu cảng, khu công nghiệp; đất các khu đô thị; đất giao thông khu kinh tế; đất giao thông đối ngoại; đất hành lang truyền tải điện, cách ly đường sắt, công trình đầu mối; đất nghĩa trang; đất tôn giáo, di tích; đất an ninh quốc phòng; đất dự án, bãi cát.

+ Khu vực nông nghiệp và các chức năng khác; quy mô khoảng 7.996 ha. Bao gồm: Đất dự trữ phát triển, trang trại sinh thái nông nghiệp; đất cây xanh sinh thái; đất rừng phòng hộ; mặt nước tự nhiên.

(Chi tiết tại phụ lục bảng tổng hợp sử dụng đất kèm theo)

- Ghi chú:

+ Quy mô, vị trí, phạm vi ranh giới đất quốc phòng tại khu vực nông nghiệp và các chức năng khác thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất quốc phòng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Các khu vực phát triển hỗn hợp có thể sử dụng cho một hoặc nhiều trong số các chức năng: Nhà ở, dịch vụ, văn phòng, cơ quan hành chính, công trình công cộng, sản xuất sạch, đào tạo, tôn giáo, di tích, kho bãi, logistics, một số chức năng ngoài dân dụng không gây ô nhiễm môi trường, cây xanh, hạ tầng, ...

c) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

* Chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền:

+ Chọn cao độ nền xây dựng:

. Cao độ xây dựng khu vực dân cư: ≥ +3,2 m.

. Cao độ xây dựng khu công nghiệp: ≥ +3,5 m.

. Cao độ xây dựng các khu vực cây xanh công viên ≥+3,0 m.

+ Giải pháp cụ thể cho từng khu vực:

. Các lô đất dân cư hiện trạng khi xây dựng xen cấy các khu chức năng mới, phải bảo đảm phù hợp với hiện trạng.

. Các khu vực dân cư dự kiến xây dựng mới nếu cao độ nền ≥ +3,2 m chỉ san gạt cục bộ, tạo độ dốc thoát nước tự chảy.

. Các khu vực dân cư dự kiến xây dựng mới nếu cao độ nền <+3,2 m đắp nền đến cao độ ≥+ 3,2 m, bảo đảm không bị ngập úng cục bộ.

. Các khu vực dân cư hiện trạng có cao độ nền <+3,2m, khuyến khích các hộ dân nâng cao cốt sàn công trình để tránh ngập.

- Thoát nước mưa:

Sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn, nước thải trong Khu kinh tế trước khi xả ra nguồn phải được xử lý, đạt tiêu chuẩn mới xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

+ Các trục tiêu chính: Sông Quyền, sông Trí, sông Vịnh, tuyến kênh thoát lũ.

+ Hướng thoát nước chính được tổ chức theo các lưu vực tự nhiên, thoát ra các sông Quyền, sông Trí và sông Vịnh, sau đó đổ ra cửa khẩu và Biển Đông. Toàn bộ Khu kinh tế được phân thành 05 lưu vực thoát nước chính, cụ thể như sau:

. Lưu vực 1: Lưu vực phía Đông Bắc, khu vực phường Hải Ninh thoát ra sông Nhà Lê, sông Vịnh rồi đổ ra biển. Một phần khu vực giáp biển, nước mưa từ các lô đất chảy vào hệ thống cống rồi thoát trực tiếp ra Biển Đông.

. Lưu vực 2: Lưu vực nằm ở giữa sông Trí và sông Quyền, bao gồm khu vực phường Sông Trí, thoát ra sông Trí, sông Quyền, sau đó đổ ra Biển Đông.

. Lưu vực 3: Lưu vực cảng Vũng Áng phía Bắc núi Ngà Voi, Núi Cao Vọng, núi Bò Càn, thoát trực tiếp ra Biển Đông.

. Lưu vực 4: Lưu vực phía Nam sông Quyền, gồm phường Vũng Áng và một phần phường sông Trí, thoát ra các kênh thoát lũ, sông Quyền, sau đó đổ ra Biển Đông.

. Lưu vực 5: Lưu vực phía Đông Nam thuộc một phần phường Hoành Sơn, thoát ra khe suối và kênh thoát lũ, sau đó đổ ra Biển Đông.

* Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường bộ:

. Nâng cấp các tuyến đường kết nối với tuyến đường đường bộ cao tốc Bắc Nam, quốc lộ 12C, quốc lộ 1, tuyến tránh quốc lộ 1 (đoạn qua thị xã Kỳ Anh cũ).

. Định hướng quy hoạch mới tuyến đường kết nối khu quy hoạch với khu vực dự kiến phát triển về phía Tây Bắc.

. Nâng cấp tuyến đường ven biển.

+ Đường sắt:

. Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Giạ kết nối khu vực cảng Vũng Áng, cảng Sơn Dương với nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, từng bước hình thành hành lang vận tải đa phương thức giữa Khu kinh tế Vũng Áng với Lào và khu vực Đông Bắc Thái Lan; qua đó nâng cao năng lực vận chuyển hàng hóa khối lượng lớn, phát huy vai trò cửa ngõ giao thương quốc tế của Khu kinh tế Vũng Áng.

. Cập nhật hướng tuyến đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam đi qua khu vực Khu kinh tế Vũng Áng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Hàng hải và đường thủy:

Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện khu bến cảng Vũng Áng, khu bến cảng Sơn Dương theo Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng hàng hải thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chi tiết kết cấu hạ tầng hàng hải tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Trung tâm logistic:

Xây dựng trung tâm logistics tại Vũng Áng - Sơn Dương là trung tâm logistic cấp quốc gia và kết nối quốc tế.

- Giao thông khu kinh tế:

+ Giao thông liên khu đô thị, công nghiệp:

. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính liên khu đô thị, công nghiệp theo Quy hoạch đã duyệt; một số tuyến đã và đang được đầu tư xây dựng giai đoạn đầu có điều chỉnh cục bộ về hướng tuyến (điểm đầu và điểm cuối không thay đổi), bảo đảm gắn kết với địa hình tự nhiên cũng như kết nối thuận lợi với các khu chức năng đã được triển khai trong khu kinh tế.

. Cập nhật, điều chỉnh hướng tuyến, quy mô mặt cắt một số tuyến đường so với quy hoạch đã được phê duyệt:

Đường tỉnh ĐT.555 (đường Trường Sa): Điều chỉnh mặt cắt từ 27 m lên 33 m.

Đường liên khu vực (là các tuyến đường Tô Hiến Thành, Lý Nhật Quang, Hải Khẩu,….): Điều chỉnh mặt cắt từ 20 m lên 30 m.

Bổ sung quy hoạch mới đường Đậu Quang Lĩnh (đoạn từ nút giao giữa ĐT.547 về ĐT.555).

Cập nhật, điều chỉnh hướng tuyến một số tuyến đường giao thông cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và hiện trạng, gồm: Đường Đậu Quang Lĩnh (đoạn qua khu dân cư Cồn Mồ, gần nút giao với ĐT.547); đường Phạm Khắc Hòe (tuyến kết nối từ ĐT.547 qua Tổ dân phố Nam Hà đến xã Kỳ Hải cũ); đường đê Hải Thư (đoạn qua Tổ dân phố Bắc Hà) và một số tuyến đường khác có liên quan.

+ Giao thông công cộng:

. Tiếp tục xây dựng, bố trí các tuyến giao thông công cộng (xe buýt) kết nối các khu công nghiệp đa ngành, khu công nghiệp gắn với cụm cảng Sơn Dương - Vũng Áng, khu du lịch tại phường Hải Ninh, các khu trung tâm dịch vụ đô thị (Kỳ Trinh, Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ Phương…).

. Bố trí trạm đầu cuối các tuyến xe buýt kết hợp với bến xe đối ngoại và các đầu mối giao thông đối ngoại (khu vực gần nút giao giữa tuyến đường vào cảng và quốc lộ 1 tuyến tránh); đồng thời tận dụng hợp lý một phần quỹ đất cây xanh, công viên và thể dục thể thao để bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận tải công cộng, bảo đảm phù hợp với quy hoạch và sử dụng đất hiệu quả.

* Cấp nước:

- Dự báo nhu cầu dùng nước của khu kinh tế:

+ Đến năm 2030: Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 504.381 m^3/ngày đêm.

+ Đến năm 2050: Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 731.586 m^3/ngày đêm.

- Nguồn nước:

+ Lựa chọn nguồn nước:

. Đến 2030: Nước sạch cho khu đô thị, khu du lịch và công nghiệp nguồn nước được lấy nước từ hồ Kim Sơn, hồ Thượng Sông Trí, hồ Tàu Voi, sông Quyền. Hồ Thượng Sông Trí sẽ được bổ sung nguồn nước từ hồ Rào Trổ.

. Đến 2050: Sử dụng nguồn nước từ hồ Kim Sơn, hồ Thượng Sông Trí, hồ chứa nước Tàu Voi, sông Quyền, sông Trí. Hồ Thượng Sông Trí sẽ được bổ sung nguồn nước từ hồ Rào Trổ và hồ Sông Rác.

. Nước cấp cho Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh được lấy từ hồ thượng sông Trí về thông qua đường ống truyền dẫn.

. Hồ chứa nước Tàu Voi phường Vũng Áng cấp nước tưới cho nông nghiệp và cấp cho Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh dự phòng khi đường ống lấy nước hồ thượng Sông Trí gặp sự cố, cấp cho nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, cấp cho nhà máy nước Hà Tĩnh.

+ Nhà máy nước:

. Tiếp tục duy trì sử dụng nhà máy nước hiện có (Nhà máy nước Vũng Áng 1, Nhà máy nước Vũng Áng 2, Nhà máy nước cho Khu kinh tế Vũng Áng).

. Xây dựng nhà máy nước Vũng Áng 3, nguồn nước hồ thượng sông Trí, vị trí xây dựng dự kiến tại khu vực phường Sông Trí, công suất dự kiến khoảng 90.000 m^3/ngày đêm.

. Nước phục vụ sản xuất công nghiệp: hoàn thành đầu tư xây dựng Cống ngăn mặn, giữ ngọt Bara tại phường Hải Ninh và xây dựng bổ sung thên các đơn nguyên của Nhà máy nước cho Khu kinh tế Vũng Áng, nâng công suất lên tổng 380.000 m^3/ngày đêm. Đồng thời, khai thác Nhà máy nước Vũng Áng 3 để bổ sung nguồn cấp, bảo đảm cân đối tổng nguồn nước phục vụ sản xuất công nghiệp theo nhu cầu phát triển dài hạn của Khu kinh tế.

+ Mạng lưới đường ống:

. Nước thô:

Dự kiến xây dựng 02 tuyến ống nước thô từ nguồn nước (hồ thượng sông Trí, hồ Kim Sơn,…) về Nhà máy xử lý nước Vũng Áng 3 và Nhà máy nước cho Khu kinh tế Vũng Áng; xây dựng 01 tuyến ống nước thô từ nguồn nước (hồ Thượng Sông Trí, hồ Kim Sơn,…) về khu công nghiệp trung tâm Khu kinh tế Vũng Áng với quy mô phù hợp với nhu cầu thực tế.

. Nước sạch:

Mạng lưới đường ống được thiết kế dạng mạng vòng để bảo đảm an toàn cấp nước kết hợp mạng cụt với đường kính khoảng ∅100 mm - ∅800 mm.

* Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Dự báo nhu cầu nước thải của khu kinh tế:

+ Đến năm 2030: Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 250.000 m^3/ngày đêm.

+ Đến năm 2050: Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 260.000 m^3/ngày đêm.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đến năm 2030:

. Xây dựng trạm xử lý nước thải số 1 công suất 2.000 m^3/ngày đêm theo dự án "Phát triển tổng hợp các đô thị động lực", vị trí trạm xử lý nước thải nằm tại phường Sông Trí, tại khu cây xanh bên bờ sông Trí để xử lý nước thải sinh hoạt cho phường Sông Trí.

. Xây dựng trạm xử lý nước thải Đá Hát giai đoạn 1 công suất 2.000 m^3/ngày đêm tại khu vực gần cầu Đá Hát để xử lý nước thải sinh hoạt cho khu đô thị Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ Phương.

. Trạm xử lý nước thải Đông Yên 1 công suất 550 m^3/ngày đêm và trạm xử lý nước thải Đông Yên 2 công suất 250 m^3/ngày đêm xử lý nước thải sinh hoạt cho khu tái định cư Đông Yên.

. Ngoài ra với các khu vực còn lại xây dựng các bể xử lý phân tán.

+ Giai đoạn đến năm 2050:

. Xây dựng thêm mạng lưới cống thoát nước và trạm bơm để đưa nước thải từ các khu vực xử lý cục bộ về trạm xử lý nước thải số 1, nâng công suất trạm xử lý lên 13.000 m^3/ngày đêm để xử lý nước thải cho toàn bộ khu vực phường Sông Trí.

. Xây dựng trạm xử lý nước thải số 2 công suất 2.000 m^3/ngày đêm để xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực phường Hải Ninh.

. Xây dựng trạm xử lý nước thải số 3 công suất 1.500 m^3/ngày đêm để xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực phường Vũng Áng và Hoành Sơn.

+ Các khu vực còn lại vẫn tiếp tục xử lý cục bộ bằng các bể xử lý phân tán quy mô nhỏ.

- Nước thải công nghiệp:

+ Các trạm xử lý nước thải công nghiệp được cập nhật theo dự án của các khu công nghiệp và các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung với tổng công suất dài hạn 215.000 m^3/ngày đêm.

+ Nước thải các khu du lịch: Các khu du lịch được xây dựng thành từng cụm với mật độ xây dựng thấp, xen kẽ các khu cây xanh, giải pháp thoát nước thải ở các khu vực này là xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình, dự án bảo đảm đạt chuẩn theo định, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

+ Quản lý chất thải rắn (CTR):

. Chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp được thu gom, phân loại tại nguồn được chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tại xã Kỳ Hoa.

. Đối với các khu vực chức năng, khi triển khai bước tiếp theo sẽ xác định vị trí, quy mô các điểm thu gom trung chuyển.

+ Nghĩa trang nhân dân:

. Các nghĩa trang phân tán, có quy mô nhỏ, không đủ khoảng cách ly, đóng cửa khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly và tiến tới di dời các khu nghĩa trang nhỏ lẻ phân bố rải rác trong khu vực lập quy hoạch.

. Mở rộng các nghĩa trang tập trung hiện hữu bảo đảm khoảng cách ly theo quy hoạch vị trí cụ thể tại các phường trong khu kinh tế.

* Cấp điện:

- Nguồn điện:

Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch được bảo đảm từ hệ thống điện quốc gia khu vực miền Trung thông qua lưới điện truyền tải 500 kV, 220 kV và các nhà máy điện hiện có, dự kiến phát triển trong Khu kinh tế Vũng Áng.

+ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 có công suất 2x600 MW xây dựng tại khu vực cảng Vũng Áng. Hiện nay, nhà máy đã đưa vào vận hành thương mại.

+ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2 công suất 2x665 MW xây dựng tại khu vực cảng Vũng Áng, cạnh Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1. Hiện nay, nhà máy đã đưa vào vận hành thương mại.

+ Nhà máy nhiệt điện LNG Vũng Áng 3 công suất 2x750 MW đặt tại phía Nam Khu kinh tế. Dự kiến vận hành thương mại tổ máy số 01 vào quý I/2031 và tổ máy số 02 vào quý II/2032.

+ Nhà máy nhiệt điện Formosa có tổng quy mô công suất 1.300 MW bao gồm 10 tổ máy, đặt trong khu vực Khu liên hiệp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh. Đã hoàn thành 05 tổ máy với tổng công suất là 650 MW.

+ Dự kiến xây dựng 02 Nhà máy nhiệt điện LNG Vũng Áng đặt tại khu vực phía Nam Khu kinh tế theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lưới điện truyền tải và phân phối:

Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các trạm biến áp từ 110 kV đến 500 kV; xây dựng mới, cải tạo và hoàn thiện hệ thống đường dây 500kV, 220 kV, 110 kV và 22 kV cấp điện cho các khu chức năng theo quy hoạch. Đồng thời, ưu tiên nâng cấp các tuyến đường dây hiện hữu từ mạch đơn lên nhiều mạch, hạn chế xây dựng các tuyến mới nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, bảo đảm an toàn vận hành và tăng cường độ tin cậy cung cấp điện cho Khu kinh tế.

* Viễn thông, hạ tầng số:

- Viễn thông: Tuyến cáp chính cấp cho khu vực lấy từ trung tâm viễn thông tỉnh Hà Tĩnh. Xây dựng tuyến cáp trục mới cấp đến cho khu kinh tế, phục vụ nhu cầu phát sinh trong tương lai.

- Mạng di động: Các trạm BTS được xây dựng theo quy hoạch viễn thông thụ động, cần bảo đảm sử dụng công nghệ 4G và 5G.

- Mạng internet: Sử dụng mạng băng thông rộng, phát triển theo phương thức mạng nội hạt và mạng không dây.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Giải pháp bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn: Trồng cây xanh và bảo vệ hệ thống mặt nước, điều hòa vi khí hậu, hấp thụ các chất ô nhiễm trong môi trường không khí. Các tuyến đường giao thông chính trong khu vực trồng cây xanh nhằm hạn chế bụi và tiếng ồn.

- Đối với môi trường nước: Thực hiện xử lý nước thải phát sinh theo từng khu chức năng, sau khi xử lý sơ bộ tại các khu vực phát sinh nguồn nước thải thoát ra hệ thống cống thu gom chung và đưa về trạm xử lý theo quy hoạch, xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định rồi thoát ra môi trường.

- Đối với môi trường đất: Sử dụng các biện pháp giảm thiểu, xử lý triệt để nước thải, chất thải rắn. Bố trí các thùng đựng rác công cộng và vận chuyển đến bãi rác tập trung thường xuyên nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm đến môi trường đất.

6. Các dự án ưu tiên đầu tư

Để tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050, ưu tiên triển khai các nhóm dự án đầu tư trong giai đoạn đến năm 2030 như sau:

- Các dự án trọng điểm, động lực nhằm thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển Khu kinh tế Vũng Áng.

- Các dự án có tính lan tỏa, tạo động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy hình thành và phát triển các dự án, khu chức năng khác trong Khu kinh tế.

- Các dự án chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp chất lượng đô thị và hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội tại các đô thị hiện hữu.

- Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng giao thông và các công trình đầu mối, bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các khu chức năng trong Khu kinh tế Vũng Áng.

- Các dự án công trình bảo vệ môi trường, hạ tầng xã hội và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển bền vững.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

- Chỉ đạo rà soát, bảo đảm hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050 đồng bộ và thống nhất thuyết minh, số liệu, phụ lục, bản vẽ đúng nội dung Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm tổ chức cập nhật cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định.

- Ban hành Quy định quản lý quy hoạch theo Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050 kèm theo Quyết định này.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức công bố, công khai quy hoạch; lưu trữ và lưu giữ hồ sơ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050 được phê duyệt theo quy định.

- Ban hành kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung; tổ chức rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết phù hợp với nội dung Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050 được phê duyệt, bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển, điều kiện thực tiễn phát triển chức năng khu kinh tế ven biển và khu chức năng đô thị và nông thôn của địa phương.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của nội dung, thông tin và các số liệu trong hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050 và Quy định quản lý theo Điều chỉnh Quy

hoạch chung; sự phù hợp của nội dung Điều chỉnh Quy hoạch chung với quy hoạch cấp trên có liên quan và thống nhất với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ cho tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Rà soát, đánh giá các quy hoạch và dự án đang triển khai để bảo đảm phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050, các quy hoạch cấp trên và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của tỉnh Hà Tĩnh và quốc gia; việc cập nhật, kế thừa các dự án phải được xem xét thận trọng, chặt chẽ, bảo đảm sự đồng thuận của cộng đồng dân cư có liên quan, tuân thủ quy định của pháp luật, không hợp thức hóa sai phạm (nếu có), không gây thất thoát, lãng phí, đồng thời bảo đảm hiệu quả đầu tư, tính đồng bộ của hệ thống hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ cảnh quan, môi trường.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch được duyệt, chủ động rà soát bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật, thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và an ninh, quốc phòng của địa phương; sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định theo quy định, trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch đã được thẩm định và phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050 đúng quy định pháp luật.

3. Các bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh triển khai thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng đến năm 2050 theo lĩnh vực ngành quản lý, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả và thống nhất, tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

- Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025;

- Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025;

- Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025.

3. Đối với các nội dung của Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030 thuộc phạm vi Khu kinh tế Vũng Áng mà có nội dung khác với Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2050 thì thực hiện theo Quy hoạch chung Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, KGVX, NN, NC, QHQT;
- Lưu: VT, CN (2b). ĐTQ

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Gia Túc